

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 394/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính
đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Doanh nghiệp kinh doanh xổ số, bao gồm:
 - Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xổ số kiến thiết các tỉnh, thành phố;
 - Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xổ số điện toán Việt Nam (sau đây gọi tắt là Vietlott).
- Cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.
- Tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý tài chính của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Doanh thu

- Doanh thu của doanh nghiệp kinh doanh xổ số bao gồm: Doanh thu từ hoạt động kinh doanh xổ số, doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác, doanh thu từ hoạt động tài chính và thu nhập khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với giải thưởng tích lũy của các sản phẩm xổ số điện toán, nếu hết thời hạn lĩnh thưởng mà người trúng thưởng không đến lĩnh thưởng thì doanh nghiệp kinh doanh xổ số hạch toán vào thu nhập khác của doanh nghiệp.

Điều 4. Chi phí

Chi phí đặc thù đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số gồm:

1. Chi phí trả thưởng:

a) Chi phí trả thưởng đối với loại hình xổ số truyền thống, xổ số lô tô thủ công và xổ số biết kết quả ngay là số tiền trả cho người trúng thưởng theo quy định của pháp luật.

Riêng đối với loại hình xổ số truyền thống phát hành theo cơ chế liên kết phát hành, chi phí trả thưởng gồm: Chi phí trả thưởng thanh toán cho các vé xổ số trúng thưởng thuộc trách nhiệm tự chi trả của doanh nghiệp kinh doanh xổ số theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực; chi phí trả thưởng được phân bổ cho doanh nghiệp kinh doanh xổ số theo tỷ lệ phân bổ đối với các vé xổ số trúng thưởng thuộc trách nhiệm chi trả chung của Hội đồng được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực.

b) Chi phí trả thưởng đối với loại hình xổ số điện toán là số tiền trả thưởng phát sinh cho người trúng thưởng và giá trị của các giải thưởng tích lũy được chuyển sang kỳ quay số mở thưởng tiếp theo theo quy định của pháp luật về xổ số.

2. Chi hoa hồng đại lý cho các đại lý xổ số:

a) Hoa hồng đại lý là khoản tiền mà doanh nghiệp kinh doanh xổ số trả cho đại lý xổ số theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị vé xổ số đã bán. Bộ Tài chính quy định tỷ lệ chi hoa hồng đại lý tối đa trong từng thời kỳ.

b) Doanh nghiệp kinh doanh xổ số có trách nhiệm:

Quy định cụ thể tỷ lệ hoa hồng đại lý tại hợp đồng đại lý xổ số được ký với đại lý xổ số;

Thanh toán tiền hoa hồng đại lý sau khi đã hoàn tất việc xác nhận số lượng vé xổ số đại lý đã tiêu thụ trong kỳ và đại lý xổ số đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ kinh tế ghi tại hợp đồng đại lý;

Thực hiện khấu trừ tiền thuế phải nộp của các đại lý xổ số là cá nhân trước khi thanh toán tiền cho đại lý xổ số theo quy định của pháp luật thuế.

3. Chi phí ủy quyền trả thưởng:

a) Chi phí ủy quyền trả thưởng là khoản tiền mà doanh nghiệp kinh doanh xổ số trả cho đại lý xổ số theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị trả thưởng đại lý đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng, được quy định tại hợp đồng đại lý.

b) Bộ Tài chính quy định tỷ lệ chi phí ủy quyền trả thưởng tối đa và hướng dẫn hồ sơ thực hiện chi trả chi phí ủy quyền trả thưởng cho đại lý xổ số.

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số có trách nhiệm quy định cụ thể tỷ lệ chi phí ủy quyền trả thưởng tại hợp đồng đại lý xổ số ký kết với đại lý xổ số;

c) Đại lý xổ số không được thu bất cứ khoản phí nào của khách hàng trúng thưởng.

4. Chi phí quay số mở thưởng và chi cho công tác giám sát xổ số:

a) Chi phí quay số mở thưởng gồm chi phí thuê hội trường và các khoản chi phí khác mua hoặc thuê ngoài phục vụ cho công tác quay số mở thưởng.

Riêng đối với trường hợp phát hành vé xổ số truyền thống theo cơ chế liên kết phát hành, các doanh nghiệp kinh doanh xổ số thực hiện quay số mở thưởng chung, chi phí quay số mở thưởng của từng doanh nghiệp được phân bổ theo tỷ lệ doanh số vé xổ số nhận bán của từng doanh nghiệp so với tổng doanh số phát hành của khu vực trong kỳ. Việc xác định chi phí cụ thể được quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực.

b) Chi thù lao cho Hội đồng giám sát xổ số (trừ đại diện của doanh nghiệp kinh doanh xổ số). Mức chi thù lao được xác định theo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với thời gian và nội dung công việc thực hiện, nâng cao trách nhiệm của các thành viên trong việc thực thi nhiệm vụ giám sát.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố phê duyệt mức chi thù lao cho Hội đồng giám sát xổ số.

5. Chi phí hỗ trợ công tác phòng chống số đề và làm giả vé xổ số:

a) Chi phí hỗ trợ công tác phòng chống số đề và làm giả vé xổ số để hỗ trợ trực tiếp cho cơ quan Công an và các cơ quan có liên quan tại địa phương hoặc trên địa bàn tổ chức hoạt động kinh doanh để thực hiện công tác điều tra, khám phá, thụ lý các vụ án số đề và làm giả vé xổ số đảm bảo nguyên tắc:

Phù hợp với khả năng tài chính của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

Căn cứ chi là các bản sao bản án của Tòa án nhân dân hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính và biên lai nộp tiền phạt.

Cơ quan Công an và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm phân phối tiền hỗ trợ cho các đơn vị, cá nhân có thành tích công khai, minh bạch tùy thuộc vào tính chất phức tạp của vụ án, số lượng người, đơn vị tham gia và thời gian điều tra vụ án.

b) Bộ Tài chính quy định mức chi hỗ trợ công tác phòng chống số đề và làm giả vé xổ số.

c) Doanh nghiệp kinh doanh xổ số, căn cứ vào điều kiện thực tế và mức chi hỗ trợ theo quy định trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt mức chi hỗ trợ cụ thể, đảm bảo đúng đối tượng.

6. Chi phí trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng:

a) Đối tượng và thời điểm trích lập:

Đối tượng trích lập: Các sản phẩm xổ số áp dụng phương thức trả thưởng cố định theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số.

Thời điểm trích lập: Khi kết thúc năm tài chính (ngày 31 tháng 12 năm dương lịch).

b) Điều kiện trích lập: Tại thời điểm trích lập, việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số không bị lỗ;

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số.

Tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ trả thưởng thực tế} = \frac{\text{Tổng chi phí trả thưởng phát sinh trong kỳ}}{\text{Tổng doanh thu có thuế phát sinh trong kỳ}} \times 100\%$$

Trong đó, đối với Vietlott, tổng doanh thu có thuế phát sinh trong kỳ không bao gồm doanh thu từ các kỳ bán vé trước chưa được quay số mở thưởng.

Tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng của doanh nghiệp kinh doanh xổ số tại thời điểm trích lập tối đa không được vượt quá 2% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam và Vietlott, 10% đối với các doanh nghiệp kinh doanh xổ số còn lại.

c) Mức trích lập của từng loại hình xổ số được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Dự} & & \text{Tổng doanh} & & \text{Tỷ lệ trả} & & \text{Tổng giá trị trả thưởng} \\ \text{phòng} & & \text{thu có thuế} & & \text{thưởng kế} & & \text{phát sinh cho khách hàng} \\ \text{rủi ro} & = & \text{phát sinh của} & \times & \text{hoạch của} & - & \text{trúng thưởng của từng} \\ \text{trả} & & \text{từng loại} & & \text{từng loại hình} & & \text{loại hình xổ số trích lập} \\ \text{thưởng} & & \text{hình xổ số} & & \text{xổ số} & & \\ & & \text{trích lập} & & & & \end{array}$$

d) Sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng:

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng để trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch;

Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng không đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh;

Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng.

7. Chi phí về vé xổ số:

a) Chi phí in vé xổ số theo giá thanh toán thực tế với cơ sở in, chi phí vận chuyển, xếp dỡ, bảo quản, phụ phí hợp lệ (nếu có) hoặc chi đóng góp chi phí in vé xổ số chung theo quy định của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực trên cơ sở hợp đồng kinh tế giữa doanh nghiệp kinh doanh xổ số và cơ sở in;

b) Chi phí in tờ lựa chọn số dự thưởng, mua giấy in, mực in và chi phí khác liên quan đến vé xổ số tự chọn số điện toán theo giá thanh toán thực tế trên cơ sở hợp đồng kinh tế giữa doanh nghiệp kinh doanh xổ số và đơn vị cung cấp;

c) Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh xổ số tự in vé xổ số, chi phí in vé xổ số là các khoản chi hợp lý, hợp lệ thực tế phát sinh và được hạch toán vào chi phí chung của doanh nghiệp.

8. Chi phí thông tin vé xổ số, quay số mở thưởng và kết quả mở thưởng:

a) Chi phí thông tin vé xổ số, quay số mở thưởng và kết quả mở thưởng là các khoản chi phí đưa thông tin quay số mở thưởng và kết quả mở thưởng trên các phương tiện thông tin đại chúng, chi phí in tờ rơi về thể lệ trả thưởng, kết quả mở thưởng phục vụ khách hàng và đại lý xổ số;

b) Căn cứ chi là hợp đồng kinh tế, hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật.

9. Chi phí đóng góp hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực:

a) Mức chi phí đóng góp hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực do Bộ Tài chính quy định;

b) Các khoản chi phải có chứng từ hợp lý, hợp lệ;

c) Trường hợp do Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực quản lý chi tiêu, Hội đồng phải thống nhất thông qua định mức chi. Chủ tịch Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lệ của các khoản chi;

d) Hết năm tài chính phải quyết toán để công khai trong Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực. Sau khi quyết toán, nếu thừa thì được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng theo đúng các mục đích đã quy định.

Điều 5. Phân phối lợi nhuận

1. Đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số đã được đầu tư đủ vốn điều lệ theo quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu thì không được trích quỹ đầu tư phát triển.

2. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số không được sử dụng lợi nhuận còn lại sau thuế và quỹ khen thưởng, phúc lợi của doanh nghiệp để chi thưởng hoặc hỗ trợ thêm hoa hồng đại lý vượt quá mức tối đa theo quy định pháp luật.

Điều 6. Đầu tư vốn ra bên ngoài của doanh nghiệp kinh doanh xổ số

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số chỉ được đầu tư ra bên ngoài đối với các ngành nghề liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh xổ số.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN

Điều 7. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Hướng dẫn các nội dung được giao theo quy định tại Nghị định này; hướng dẫn chế độ báo cáo tài chính đặc thù đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

2. Thực hiện chức năng cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với Vietlott theo phân công và theo quy định của pháp luật.

3. Đánh giá việc chấp hành chế độ, chính sách để hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số quy định tại Nghị định này.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

1. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp kinh doanh xổ số do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Phê duyệt mức chi thù lao cho các thành viên Hội đồng giám sát xổ số và mức chi hỗ trợ công tác phòng chống số đề, làm giả vé xổ số theo quy định tại Nghị định này.

3. Kiểm tra, giám sát hoặc chỉ đạo các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương thực hiện việc kiểm tra, thanh tra, giám sát toàn diện đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số trong việc chấp hành chế độ quản lý tài chính theo quy định của pháp luật và Nghị định này.

Điều 9. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh xổ số

1. Tuân thủ quy định về cơ chế quản lý tài chính tại Nghị định này; thực hiện chế độ báo cáo tài chính đặc thù theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc chấp hành các quy định về quản lý tài chính và cơ chế quản lý tài chính đặc thù quy định tại Nghị định này.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 12 năm 2026.

2. Bãi bỏ Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số; Sở Giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Điều 11. Quy định chuyển tiếp

Đối với các doanh nghiệp kinh doanh xổ số có số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng cao hơn số dư tối đa được trích theo quy định tại Nghị định này, số chênh lệch được hạch toán vào thu nhập khác của doanh nghiệp kinh doanh xổ số tại thời điểm kết thúc năm tài chính 2026 và thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

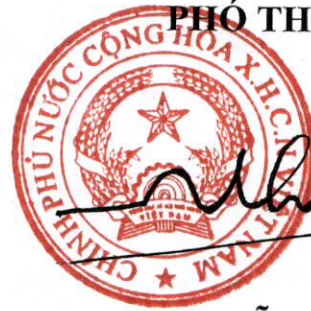
Điều 12. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp kinh doanh xổ số và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg;
- các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Văn Thắng